

VĂN HÓA LIÊM CHÍNH TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC: KHUNG TIÊU CHÍ VÀ HÀM Ý THỰC TIỄN

Nguyễn Đình Tuân^{1}, Đặng Thùy Linh¹, Lê Quang Mạnh¹*

**Tác giả liên hệ, Email: tuannnd.elc@hou.edu.vn*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 02/06/2025

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.664

Tóm tắt: Trong nghiên cứu khoa học vấn đề văn hóa liêm chính đang được xem là vấn đề cốt lõi đem lại giá trị cao nhất của một công trình nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở tổng hợp chuẩn mực quốc tế và thực trạng trong nước, nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp tài liệu, nghiên cứu định tính, phân tích đề xuất giải pháp cho vấn đề nghiên cứu. Khung tiêu chí không chỉ cung cấp thang đo thực chứng cho nhà quản lý mà còn tái định hình hệ giá trị của cộng đồng khoa học, chuyển trọng tâm đánh giá từ “đếm bài” sang “độ đáng tin và khả năng chia sẻ” của kết quả nghiên cứu. Hàm ý chính thiết kế lại cơ chế thưởng, phạt gắn với dữ liệu mở, bảo vệ người tố cáo để nâng cao tự điều chỉnh hệ thống; thiết lập liêm chính và báo cáo tác động định kỳ nhằm tăng năng lực cạnh tranh quốc tế của các cơ sở nghiên cứu.

Từ khóa: liêm chính, khung tiêu chí, khoa học, văn hóa, nghiên cứu khoa học

I. Giới thiệu

Văn hóa liêm chính khoa học đang trở thành trụ cột chính trong giá trị học thuật, nơi tính minh bạch dữ liệu, khả năng tái lập và trách nhiệm xã hội được đo lường. Bản đồ chuẩn mực toàn cầu từ Singapore Statement on Research Integrity (2011) đến ALLEA European Code of Conduct (2023) đều khẳng định tính trung thực, minh bạch và công bằng là phòng tuyến bảo vệ giá trị của tri thức. Trong bối cảnh đó, việc chia sẻ dữ liệu theo chuẩn, khai mở mã nguồn phân tích và công bố vai trò tác giả không còn là động thái tùy chọn mà dần trở thành

điều kiện bắt buộc để tiếp cận các quỹ tài trợ, cũng như để tham gia các mạng lưới nghiên cứu khoa học.

Tại nhiều trường đại học đã ban hành quy định đạo đức nghiên cứu; tuy nhiên, các vụ rút bài, tranh chấp tác giả vẫn lóe sáng trên mặt báo, phản ánh khoảng trống của một khung tiêu chí hệ thống để đo lường và cải thiện văn hóa liêm chính một cách nhất quán. Không ít nhóm nghiên cứu còn lúng túng trong việc dự trù ngân sách cho lưu trữ dữ liệu mở, tổ chức kiểm toán dữ liệu vào lộ trình nghề nghiệp nghiên cứu của mình. Xuất phát từ nhu cầu cấp thiết

¹ Khoa Đào tạo Cơ bản, Trường Đại học Mở Hà Nội

ấy, bài báo này đề xuất một bộ khung văn hóa liêm chính khoa học với các tiêu chí mang tính khả thi, được “địa phương hóa” cho điều kiện nguồn lực nhưng vẫn bám sát chuẩn mực quốc tế. Khung tiêu chí kỳ vọng cung cấp: công cụ chẩn đoán nhanh mức độ liêm chính của từng đơn vị nghiên cứu; nền tảng thiết kế cơ chế thưởng, phạt gắn dữ liệu mở, bảo vệ người tố cáo; lộ trình nâng cấp liêm chính, giúp các cơ sở trong nước gia tăng sức hút hợp tác và tài trợ trên sân chơi học thuật toàn cầu.

II. Cơ sở lý thuyết

Trên cơ sở nội dung bài viết nghiên cứu, nghiên cứu xây dựng trên cơ sở lý luận Bộ quy tắc quốc tế như Singapore Statement on Research Integrity và ALLEA European Code of Conduct xác lập bốn nguyên tắc cốt lõi: trung thực, minh bạch, công bằng và trách nhiệm làm nền tảng bảo vệ sự tin cậy và phát triển bền vững của hệ sinh thái khoa học. Nghiên cứu đề xuất một khung 10 tiêu chí nhằm định hướng thực hành liêm chính trong nghiên cứu khoa học, đồng thời kiến tạo một hệ giá trị mới mà ở đó mức độ đáng tin, khả năng chia sẻ, và tinh thần sẵn sàng chịu giám sát trở thành chuẩn mực thay thế cho lối tiếp cận dựa vào “đếm bài” truyền thống.

III. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu gồm tổng hợp tài liệu, rà soát có hệ thống các chuẩn mực quốc tế (Singapore Statement, ALLEA Code, UNESCO Open Science) và văn bản trong nước về đạo đức nghiên cứu để rút ra tiêu chí cốt lõi; phân tích định tính xu hướng xây dựng nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên nhằm đánh giá mức độ phù hợp, tính khả thi của các tiêu chí; đề xuất đối sánh kết quả hai

bước trên để xây dựng khung 10 tiêu chí và khuyến nghị cơ chế thưởng, phạt gắn dữ liệu mở, bảo vệ người tố cáo, cùng quy trình báo cáo liêm chính định kỳ.

IV. Nội dung nghiên cứu

4.1. Khung tiêu chí trong liêm chính nghiên cứu khoa học

Trong bối cảnh khoa học ngày càng đề cao tính minh bạch và trách nhiệm xã hội, văn hóa liêm chính trong nghiên cứu không còn là khái niệm trừu tượng mà đã trở thành một chuẩn mực bắt buộc, chi phối mọi hoạt động từ khâu thiết kế đề tài đến công bố kết quả. Ở cấp độ quốc tế, các nền tảng như Singapore Statement on Research Integrity [1] và ALLEA European Code of Conduct for Research Integrity đã khẳng định rằng trung thực, minh bạch, công bằng và trách nhiệm là những nguyên tắc cốt lõi giúp bảo vệ uy tín và tính bền vững của hoạt động khoa học [3]. Tại Việt Nam, trong khi nhiều cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu đã ban hành các quy định về đạo đức nghiên cứu, thực tiễn vẫn cho thấy tồn tại các vi phạm như gian lận dữ liệu, đạo văn, tranh chấp tác giả. Điều này chủ yếu xuất phát từ việc thiếu một bộ tiêu chí hệ thống, cả ở khía cạnh lý thuyết lẫn thực hành, để đánh giá xem một môi trường nghiên cứu đã thực sự làm tốt vấn đề văn hóa liêm chính hay chưa. Nhận thấy nhu cầu cấp thiết trong việc xây dựng một khung đánh giá có tính chỉ dẫn rõ ràng và khả thi, nghiên cứu này đưa ra 10 khung tiêu chí áp dụng trên cơ sở tính cấp thiết của vấn đề, nhằm cung cấp công cụ cho các nhà quản lý khoa học, hội đồng thẩm định và chính bản thân các nhà nghiên cứu trong việc tự đánh giá và hoàn thiện quá trình nghiên cứu của mình.

Từ cơ sở lý thuyết và thực tiễn nêu trên, 10 khung tiêu chí áp dụng bao gồm:

Bảng 1. Tiêu chí trong liêm chính nghiên cứu khoa học

STT	Tiêu chí	Nội dung chính của tiêu chí	Mục tiêu
1	Tính trung thực khoa học	Công bố dữ liệu và phương pháp nguyên trạng, không làm giả số liệu, không thổi phồng tác động; đảm bảo khả năng tái lập và công khai mã nguồn.	Đảm bảo độ tin cậy và sự tái lập trong nghiên cứu.
2	Tính trách nhiệm với công trình	Gắn vai trò cụ thể cho từng thành viên trong nhóm nghiên cứu, thiết lập chuỗi truy vết rõ ràng, gắn trách nhiệm với chế tài hoặc khen thưởng.	Tăng tính minh bạch cá nhân và trách nhiệm giải trình.
3	Tính minh bạch trong thông tin	Công bố quy trình, dữ liệu, mã nguồn, phản biện; cho phép cộng đồng quan sát, kiểm chứng.	Nâng cao niềm tin cộng đồng vào kết quả khoa học.
4	Tính ghi nhận công bằng	Tên tác giả phản ánh đúng mức độ đóng góp, minh bạch vai trò và thứ tự tác giả.	Phòng ngừa mạo danh và xung đột lợi ích.
5	Đào tạo và nâng cao năng lực	Tổ chức các khóa đào tạo, mô phỏng tình huống đạo đức, áp dụng học tương tác và nâng cao năng lực định kỳ.	Nội tại hóa liêm chính và đồng bộ hóa hiểu biết toàn hệ thống.
6	Tính nghiêm ngặt và rà soát nội bộ	Thiết lập các tầng lọc kiểm tra như review nội bộ, thử lặp nội bộ, kiểm toán độc lập.	Ngăn chặn sai sót và gian lận trước khi công bố.
7	Mở tài nguyên nghiên cứu và tái sử dụng	Công bố bài báo mở, chia sẻ dữ liệu và mã nguồn có thể tải, dùng lại, dễ tiếp cận.	Tăng khả năng ứng dụng và tiết kiệm tài nguyên khoa học.
8	Khuyến khích tích cực	Tạo động lực bằng giải thưởng, phụ cấp, danh hiệu cho các hành vi minh bạch.	Chuyển hóa liêm chính thành chuẩn mực hành vi.
9	Giám sát và cải tiến liên tục	Theo dõi, báo cáo, đánh giá định kỳ hiệu quả và cập nhật các tiêu chí.	Thích ứng với bối cảnh và công nghệ mới.
10	Bảo vệ người tố cáo	Thiết lập kênh tố cáo an toàn, bảo mật danh tính, khuyến khích tố giác vi phạm.	Tạo văn hóa cảnh báo sớm và bảo vệ hệ sinh thái nghiên cứu.

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Tính trung thực khoa học: Chính là trực xương sống gìn giữ giá trị của bất kỳ công trình nghiên cứu nào. Ở tầng sâu nhất, trung thực đòi hỏi nhà khoa học công bố toàn bộ dữ liệu và phương pháp một cách nguyên trạng, không làm giả, không sửa số liệu những kết quả thuận lợi cho giả thuyết. Sự trung thực này bao hàm cả ba khâu: giữ nguyên vẹn dữ liệu thô, mô tả tỉ mỉ quy trình để người khác có thể lặp lại, và diễn giải kết quả đúng mức, không thổi phồng tác động. Những

thực hành như đăng ký nghiên cứu trước để niêm phong giả thuyết và kế hoạch phân tích, lưu vết mọi thay đổi trong sổ tay điện tử và để nhóm độc lập kiểm toán dữ liệu đều là hàng rào hiệu quả ngăn ngừa thao túng số liệu. Khi dữ liệu và mã nguồn được chia sẻ công khai trên các kho mở, nhà nghiên cứu chủ động đặt mình dưới ánh sáng giám sát của cộng đồng, qua đó củng cố niềm tin vào độ tin cậy của kết quả.

Tính trách nhiệm với công trình nghiên cứu: Biến nguyên tắc trung thực thành nghĩa vụ cá nhân hiển minh trong mỗi giai đoạn nghiên cứu. Thay vì ẩn mình trong “tập thể vô danh”, từng thành viên phải được gán vai trò cụ thể ai hình thành ý tưởng, ai thu thập, ai phân tích, ai rà soát nội bộ. Cơ chế phân quyền minh định này không chỉ phòng ngừa mà còn thiết lập chuỗi truy vết rõ ràng: mỗi quyết định, mỗi chỉnh sửa đều in dấu thời gian và chữ ký số trên hệ thống quản lý dữ liệu của dự án. Khi phát sinh tranh chấp hay dấu hiệu sai phạm, cơ quan giám sát tính liêm chính khoa học có đầy đủ căn cứ để xác định điểm gãy và cá nhân chịu trách nhiệm. Trách nhiệm chỉ thực sự có tác dụng khi gắn với chế tài và khuyến khích tương xứng: công bố sai lệch dẫn tới rút bài và thông báo cho cơ quan tài trợ, trong khi tuân thủ chuẩn mực được ghi nhận bằng ưu tiên cấp kinh phí hay giải thưởng kèm theo công trình đạt được [5].

Tính minh bạch trong thông tin: Kết nối trung thực và trách nhiệm bằng cách trao cho cộng đồng khả năng quan sát và kiểm chứng các công trình đã công bố. Minh bạch quy trình đòi hỏi công bố và tiêu chí xử lý dữ liệu ngay từ khi nghiên cứu khởi động; minh bạch kết quả yêu cầu kèm bộ dữ liệu và mã nguồn theo chuẩn đi theo, để bất cứ ai cũng có thể tái dựng phân tích; còn minh bạch phản biện khuyến khích công bố nhật ký trao đổi giữa tác giả và phản biện nhằm lý giải vì sao bản thảo cuối cùng được chấp thuận. Những lo ngại mất lợi thế cạnh tranh có thể được xảy ra trước khi mở hoàn toàn dữ liệu trong các nghiên cứu, có thể khắc phục bằng cách liên kết với các kho quốc

tế hoặc xây dựng kho chung giữa các trường đại học, từ đó gắn thông tin dữ liệu nghiên cứu với các đơn vị nghiên cứu, tạo ra dữ liệu minh bạch. Khi ba trụ cột trung thực, trách nhiệm và minh bạch vận hành đồng bộ trong cùng một chu trình quy định hỗ trợ giám sát khen thưởng, chúng không chỉ bảo đảm chất lượng khoa học mà còn vun đắp một văn hóa liêm chính bền vững.

Tính ghi nhận công bằng: Trước hết khẳng định nguyên tắc rằng tên xuất hiện trên bài báo phải tương xứng với hàm lượng đóng góp thực tế, không phụ thuộc địa vị hay quan hệ cá nhân. Việc áp dụng chuẩn các quy chuẩn văn hóa đạo đức trong nghiên cứu giúp quy trình nghiên cứu thành các hạng mục rõ ràng để gán trách nhiệm người nghiên cứu. Nhờ đó, hiện tượng ghi tên đúng với vai trò, ghi tên vì lý do tình cảm hay viết thay người khác lập tức lộ diện vì thiếu vai trò đi kèm. Công bằng tác giả còn hàm ý minh bạch trong thứ tự tác giả, nếu theo chuyên ngành yêu cầu tác giả đầu tiên dẫn dắt và tác giả cuối chịu trách nhiệm chung, quy định này cần công khai trong biên bản nhóm ngay khi dự án nghiên cứu khoa học. Ở đơn vị chủ quản quản lý các nhà nghiên cứu nên đi kèm hợp đồng tài trợ và là điều kiện xét khen thưởng; ở cấp tạp chí, biên tập viên có thể yêu cầu mọi tác giả ký xác nhận vai trò để ngăn ngừa mạo danh học thuật.

Đào tạo và nâng cao năng lực: Xây dựng văn hóa liêm chính không thể chỉ dừng lại ở các quy định mang tính áp đặt, mà cần được nội tại hóa thông qua việc trang bị kiến thức, kỹ năng và giá trị cho từng cá nhân trong hệ thống nghiên cứu. Đào tạo về liêm chính không chỉ là phổ biến các quy tắc đạo đức nghiên cứu, mà

còn phải hướng tới việc phát triển năng lực phản biện, nhận diện tình huống đạo đức phức tạp và xử lý các xung đột giá trị trong thực tế khoa học.

Việc tổ chức các khóa học bắt buộc về trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học, mô phỏng các tình huống thực tế và áp dụng phương pháp học tương tác là cần thiết để thay đổi tư duy và hành vi. Hơn nữa, đào tạo không chỉ dừng ở nhà nghiên cứu trẻ mà cần triển khai toàn diện cho cả nhà quản lý, hội đồng xét duyệt và cán bộ hỗ trợ nghiên cứu, nhằm bảo đảm sự nhất quán trong cách hiểu và thực hành liên chính. Ngoài ra, thiết lập lộ trình nâng cao năng lực liên tục chẳng hạn như tập huấn định kỳ, cập nhật chuẩn mực quốc tế, giám sát hành vi khoa học sẽ tạo nền tảng bền vững cho một hệ sinh thái nghiên cứu lành mạnh và có trách nhiệm.

Tính nghiêm ngặt và rà soát nội bộ: Bảo đảm rằng một công phải qua nhiều tầng lọc kỹ thuật trước khi được xuất bản hoặc công bố triển khai. Có thể xây dựng theo hướng, tầng thứ nhất là review nội bộ, đồng nghiệp cùng khoa hoặc nhóm nghiên cứu độc lập xem xét thiết kế, kiểm tra log thí nghiệm, soát lỗi phân tích thống kê; Tầng thứ hai là thử lặp nội bộ, ít nhất trên một tiểu mẫu hoặc phạm vi thí nghiệm nhỏ khác trong hệ thống, để xác nhận kết quả không phải sản phẩm của sai số ngẫu nhiên; Tầng thứ ba là kiểm toán dữ liệu một chuyên viên thẩm định không tham gia nghiên cứu đối chiếu dữ liệu thô, xử lý và bảng kết quả cuối cùng, nhằm phát hiện thao tác lỗi hay các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung. Những tầng lọc này giúp chặn đứng chuỗi sai sót trước khi sản phẩm nghiên cứu khoa học được

khuyến đại, rút bài hoặc, tệ hơn, gây hậu quả xã hội. Quan trọng là các bước nói trên phải được quy định thành chuẩn quy trình trong đơn vị và để lại nhật ký truy vết, tránh tình trạng khẩu hiệu kiểm soát chất lượng nhưng không có bằng khi thực hiện.

Mở tài nguyên nghiên cứu và tái sử dụng: Chuyển từ tư duy “công bố cho đủ số bài” sang “chia sẻ để mọi người cùng khai thác”. Trước hết, bài báo cần được xuất bản dạng mở để bất kỳ ai cũng đọc được mà không phải trả phí. Quan trọng hơn, tác giả phải công bố kèm toàn bộ dữ liệu gốc, mã phân tích và tài liệu hướng dẫn theo hướng, dễ tìm (có DOI riêng), dễ tải về, dùng được trên nhiều phần mềm và tái sử dụng ngay. Việc đưa dữ liệu lên các kho mở dữ liệu chung trực tuyến có thể giúp mọi nhóm nghiên cứu khác kiểm chứng, mở rộng hoặc nối tiếp công trình mà không tốn thời gian lặp lại. Cách làm này vừa tăng độ tin cậy vừa nâng tỷ lệ trích dẫn, đồng thời tiết kiệm chi phí khoa học các công trình khác nghiên cứu lại không cần thiết. Để bảo đảm quá trình chia sẻ diễn ra suôn sẻ, cơ quan tài trợ nên yêu cầu nhóm nghiên cứu nộp kế hoạch chia sẻ dữ liệu ngay khi xin kinh phí, còn bản thân nhóm nên thiết lập quy trình tự động, cứ khi bài được chấp nhận là dữ liệu và mã nguồn được công khai mà không bị trì hoãn bởi lý do kỹ thuật hay lo ngại khác. Muốn vậy, mỗi thành viên cần được đào tạo quản lý dữ liệu, hiểu bản quyền và giấy phép mở; đơn vị chủ quản phải cung cấp hạ tầng lưu trữ, mẫu chuẩn và tính điểm khuyến khích cho các bài có mã nguồn mở. Khi mọi người đều nắm kỹ năng và được khích lệ đúng mức, văn hóa

“mở và tái sử dụng” sẽ trở thành thói quen tự nhiên của cộng đồng nghiên cứu.

Khuyến khích tích cực: Chuyển trọng tâm quản trị liên chính từ “răn đe vi phạm” sang “tôn vinh thực hành tốt”, tạo động lực nội sinh cho nhà nghiên cứu. Những giải thưởng, khoản phụ cấp hỗ trợ thêm khi bài báo kèm bộ dữ liệu mở không chỉ khích lệ cá nhân chia sẻ mà còn giúp đơn vị sở hữu thương hiệu “minh bạch”. Khi hành vi minh bạch được gắn với lợi ích vật chất lẫn danh tiếng, nó sẽ chuyển hóa thành chuẩn mực nghề nghiệp, giảm dần động cơ giấu giếm hay thao túng kết quả nghiên cứu.

Giám sát và cải tiến liên tục: Bảo đảm khung tiêu chí liên chính khoa học không ngừng thích ứng với đổi mới học thuật và công nghệ mới. Trước hết, cơ sở nghiên cứu cần thống kê, báo cáo số vụ vi phạm, số bản đính chính, rút bài, tỷ lệ dữ liệu mở, thời gian xử lý tố cáo và mức độ tham gia đào tạo. Thứ hai, định kỳ 2 - 3 năm nên tiến hành đánh giá tác động, khảo sát nhận thức giảng viên, so sánh xu hướng vi phạm trước, sau khi áp dụng chính sách mới, từ đó xác định tiêu chí nào hiệu quả, tiêu chí nào cần cập nhật. Thứ ba, áp dụng sau mỗi vòng đánh giá, ban hành lộ trình hành động với mục tiêu định lượng chẳng hạn tăng 20 % bài báo kèm dữ liệu mở trong 12 tháng và lại bước vào vòng mới.

Bảo vệ người tố cáo: Một hệ thống liên chính hiện đại cần thiết lập đầu mối độc lập phụ trách tiếp nhận phản ánh vi phạm, đảm bảo quy trình tố giác rõ ràng, có bảo mật danh tính và tránh trả đũa. Sự hiện diện của các kênh tố cáo an toàn sẽ tạo ra “văn hóa cảnh báo sớm”, giúp các tổ chức không chỉ xử lý hậu quả mà còn chủ

động phòng ngừa vi phạm. Quan trọng hơn, các hành vi tố cáo có cơ sở cần được đánh giá khách quan và khen thưởng như một biểu hiện của lòng trung thực và tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng khoa học. Chỉ khi chi phí che giấu hành vi sai phạm lớn hơn chi phí tuân thủ, hệ thống nghiên cứu mới đạt tới trạng thái tự điều chỉnh hiệu quả. Đây chính là nền tảng để bảo vệ sự phát triển bền vững, uy tín của tổ chức và lòng tin của xã hội đối với khoa học.

4.2. Đảm bảo tính bền vững thực hiện khung tiêu chí

Trên cơ sở các tiêu chí về văn hóa liên chính để các tiêu chí này thành hệ điều hành mặc định của đời sống nghiên cứu khoa học, trước tiên cần thể chế hóa đa tầng. Ở tầng vĩ mô, Bộ GD-ĐT và các cơ quan nghiên cứu cấp trên phải lồng ghép các tiêu chí vào chuẩn kiểm định chất lượng, điều kiện công nhận đề tài, điều khoản cấp kinh phí và công bố công khai lộ trình giám sát; việc này biến tính liên chính thành điều kiện pháp lý bắt buộc, chứ không phải khuyến khích tự nguyện. Ở tầng trường đại học phải cụ thể hóa tiêu chí bằng quy trình vận hành chuẩn: quy chế tác giả nội bộ, hướng dẫn chia sẻ dữ liệu, mẫu biên bản review và quy định xử lý vi phạm. Ở tầng vi mô, từng đề tài khi nộp bản thảo buộc kèm ma trận tuân thủ liệt kê xem nhóm đáp ứng từng tiêu chí như thế nào, và được đánh giá như một mục bắt buộc trong phê duyệt.

Thể chế hóa hiệu quả nhưng chưa đủ, bởi mọi cam kết đều cần nguồn lực lặp lại hằng năm. Cơ sở nghiên cứu phải bảo đảm dòng ngân sách cố định cho: (1) giám sát nghiên cứu; (2) phí lưu trữ dữ liệu hoặc mã trên kho mở của riêng đơn vị; (3) quỹ “minh

bach” chỉ trả cho giải thưởng, check dịch vụ kiểm toán dữ liệu. Kinh phí không nên phụ thuộc dự án ngắn hạn mà gắn vào ngân sách hoạt động thường xuyên, tương tự kinh phí thư viện hay bảo trì phòng thí nghiệm. Song song, trường thành lập hệ thống hạ tầng số dài hạn cho hoạt động liên chính, kho dữ liệu dùng chung, công cụ check đạo văn, mọi thứ được bảo trì thường xuyên.

Yếu tố con người quyết định sự sống còn của khung tiêu chí. Thay vì chỉ tổ chức vài buổi tập huấn “một lần cho xong”, mỗi đơn vị cần phát triển chuỗi đào tạo liên tục mô-đun bắt buộc năm nhất cao học, nâng cao mỗi học kỳ, có thể xây dựng mô hình đại sứ giám sát văn hóa liên chính khoa học tại từng Khoa. Đại sứ được tập huấn chuyên sâu, nhận phụ cấp đặc thù và có quyền tham vấn khi xảy ra tranh chấp. Bên cạnh đó, thiết lập lộ trình nghề nghiệp, ai liên tiếp nhận giải thưởng dữ liệu mở, hoặc có hồ sơ rút bài = 0 trong 5 năm sẽ được ưu tiên xét chức danh, tạo liên kết chặt giữa thăng tiến cá nhân và hành vi liên chính.

Muốn bền vững còn phải có cơ chế khuyến khích răn đe cân bằng. Về khuyến khích, duy trì giải cấp 5-10 % kinh phí cho bài viết kèm mã nguồn, ưu tiên cho các công trình có tính giá trị khoa học cao. Về răn đe, sửa đổi quy chế kỷ luật, vi phạm đến mức rút bài sẽ phải hoàn trả kinh phí và tạm dừng quyền đăng ký đề tài mới trong 24 tháng. Quan trọng hơn, ban hành chính sách chống trả đũa, mọi hành vi gây bất lợi cho người tố cáo cất giờ giảng, giảm thưởng, đe dọa tinh thần bị xử lý như vi phạm cấp độ hai; cơ chế này khiến việc “im lặng trước gian lận” trở thành lựa chọn rủi ro hơn là lên tiếng.

Ban liên chính tổng hợp báo cáo liên chính khoa học cho ban giám hiệu và công khai cho toàn trường. Hai năm một lần, hội đồng độc lập đánh giá tác động: phỏng vấn ngẫu nhiên giảng viên/sinh viên, so sánh xu hướng vi phạm trước-sau, rà độ phù hợp tiêu chí với quy định quốc tế cập nhật. Những phát hiện được chuyển thành lộ trình cải tiến với mục tiêu cụ thể: “Tăng dữ liệu mở thêm 15 % trong 18 tháng”, “Giảm thời gian xử lý tố cáo xuống dưới 30 ngày”. Khi mọi cải tiến luôn dựa vào dữ liệu và có đề trình công khai, khung tiêu chí sẽ không lãng quên dưới lớp bụi văn bản mà trở thành hệ sinh thái tự làm mới nền tảng cho một văn hóa liên chính thực sự bền vững.

4.3. Hàm ý với văn hóa liên chính nghiên cứu khoa học

Việc xây dựng khung 10 tiêu chí bổ sung cho hệ thống khoa học không đơn một bản quy tắc mới mà tái định hình tận gốc nền văn hoá tri thức, khiến liên chính không còn là khẩu hiệu ngoại biên mà trở thành động lực cấu trúc của hoạt động nghiên cứu.

Chuyển dịch hệ giá trị của cộng đồng khoa học, thực sự kéo trực giá trị của cộng đồng khoa học sang một hệ tọa độ hoàn toàn mới, nơi tính đáng tin, khả năng tái sử dụng và mức độ sẵn sàng bị kiểm chứng trở thành hằng số đo lường ưu tiên. Khi trung thực, trách nhiệm và minh bạch được biến thành điều kiện pháp lý bắt buộc trong hợp đồng tài trợ, trong thang xếp hạng đại học và trong quy chế xét chức danh, những “thành công” kiểu truyền thống, số bài Scopus, một bài báo với dữ liệu mở có giá trị xét tuyển cao hơn năm công trình không thể tái lập [2]. Hệ

giá trị mới đó nhanh chóng tái lập logic thường - phạt, nhà nghiên cứu càng chia sẻ bộ dữ liệu có DOI, càng minh bạch, càng tích lũy điểm liên chính mà trường đại học và quỹ tài trợ sử dụng để quyết định phân bổ kinh phí, đề bạt chức vụ hay lựa chọn đối tác. Ngược lại, việc bị rút bài, che giấu dữ liệu hay né tránh trách nhiệm sẽ kéo tụt chỉ số liên chính, đóng băng cơ hội nhận tài trợ và làm xấu hồ sơ cá nhân trên ORCID. Trong bối cảnh đó, chuẩn mực hành vi mới công bố dữ liệu, khai mở mã nguồn, chấp nhận giám sát liên tục không còn xuất phát từ khát vọng đạo đức đơn thuần mà trở thành chiến lược nghề nghiệp tối ưu để tồn tại và thăng tiến. Một cộng đồng mà mọi thành viên đều buộc phải chứng minh độ tin cậy thay vì khoe sản lượng sẽ dần hình thành văn hóa “khai mở để cộng hưởng”, nơi tác giả thấy lợi ích trực tiếp khi người khác tái dùng dữ liệu của mình, còn tổ chức nhận phần thưởng uy tín khi liên chính của họ được giới học thuật quốc tế trích dẫn như ví dụ về thực thi chuẩn mực. Chính sự dịch chuyển hệ giá trị đó, chứ không chỉ bản thân các quy định, mới là cú hích quyết định giúp văn hóa liên chính bám rễ bền vững trong mọi cơ sở nghiên cứu.

Tái thiết thiết kế thể chế và hệ thống khuyến khích, công việc này đòi hỏi vượt ra ngoài những khẩu hiệu “ứng xử đúng mực” để kiến tạo một ma trận động lực hai chiều, trong đó phần thưởng tích cực và chế tài tiêu cực đan xen nhằm ép mọi tác nhân lựa chọn con đường minh bạch như phương án lợi ích tối đa. Ở chiều khuyến khích, mỗi đề tài khi lập dự toán phải ghi rõ hạng mục dữ liệu mở, kinh phí kiểm toán độc lập; chỉ những bản thuyết minh

có kế hoạch chia sẻ dữ liệu, mã nguồn và quy trình rõ ràng mới đạt điểm ưu tiên trong vòng xếp hạng quỹ. Một bài báo kèm bộ dữ liệu, mã nguồn gắn DOI, được xác định điểm thưởng cao hơn hẳn một nghiên cứu “khóa kín” dù đăng ở tạp chí top; cá nhân đạt danh hiệu hoặc vinh danh liên tiếp ba năm sẽ được ưu tiên xét trong các khen thưởng. Đồng thời, cấu trúc chế tài được thiết kế đủ mạnh để đảo ngược hàm lợi ích của hành vi gian lận phát hiện gian lận không minh bạch trong nghiên cứu khoa học sẽ dẫn tới hoàn trả kinh phí, đăng công khai quyết định kỷ luật trong nhà trường; nghiêm trọng hơn, sai phạm có yếu tố gian lận học thuật khiến cơ quan chủ quản truy cứu trách nhiệm hành chính, thậm chí dân sự đối với tác giả chính. Để cơ chế này vận hành trơn tru là tấm lưới bảo vệ người tố cáo hệ thống báo cáo ẩn danh mã hóa đầu cuối, quy định chống trả đũa ghi rõ bất cứ hành vi gây bất lợi hạ bậc lương, giảm giờ dạy, gạt khỏi nhóm đề tài đều bị xử lý ngang hoặc nặng hơn vi phạm gốc. Khi người tố giác cảm thấy an toàn, các sai lệch sẽ bị “bắt” ngay trong giai đoạn đầu nghiên cứu, trước khi phình ra thành rút bài trên tạp chí quốc tế, khiến danh tiếng bị ảnh hưởng hơn nhiều lần chi phí tuân thủ. Hệ quả là toàn bộ hệ thống tự dịch chuyển về trạng thái tự điều chỉnh, các nghiên cứu sẽ nghiêm túc tự nguyện công khai vì biết sẽ được thưởng và tránh rủi ro, dự án có ý định gian lận cân nhắc thiệt hại và đa phần điều chỉnh hành vi cho an toàn, khiến liên chính nghiên cứu từ lựa chọn đạo đức trở thành lối thoát duy nhất hợp lý về kinh tế và danh tiếng.

Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế và hiệu quả khoa học, dữ liệu truy

xuất được gắn DOI và mô tả đầy đủ giúp nhóm khác tái lập kết quả chỉ trong vài ngày thay vì phải “quay lại từ vạch xuất phát”, nhờ đó chu kỳ phát triển tri thức rút ngắn, chi phí thí nghiệm lặp lại giảm đáng kể, và nguồn kinh phí tiết kiệm được tái đầu tư cho ý tưởng mới [6]. Để bảo đảm luồng mở và tái sử dụng này không nguội lạnh, các cơ sở nghiên cứu cần báo cáo liên chính theo định kỳ và tiến hành đánh giá tác động theo chu kỳ hai năm. Những báo cáo không chỉ liệt kê số vụ vi phạm, mà còn đo lường thời gian tái lập, lượng trích dẫn dữ liệu, số dự án liên ngành khởi nguồn từ kho dữ liệu mở.

Trong dài hạn, minh bạch chính là thương hiệu cạnh tranh: một trường Đại học sở hữu liên chính mở cho công chúng sẽ được xếp vào nhóm “đối tác ít rủi ro” của mạng lưới quỹ tài trợ. Điều này không chỉ giúp thu hút nguồn vốn nghiên cứu quy mô lớn, học bổng sinh viên và các nhà khoa học lưu động, mà còn nâng hạng trên các bảng xếp hạng. Tích lũy theo thời gian, uy tín ấy sẽ lan tỏa, dữ liệu gắn nhãn của Việt Nam xuất hiện thường xuyên trong các phân tích toàn cầu, các bài báo dẫn nguồn có xuất phát từ các trường được xem là chuẩn tham chiếu khu vực, và hình ảnh một hệ sinh thái khoa học minh bạch.

V. Kết luận

Những tiêu chí trong liên chính văn hóa nghiên cứu khoa học, mang lại ba giá trị cốt lõi. Thứ nhất, nó tái định nghĩa chuẩn mực thành công khoa học, chuyển trọng tâm từ sản lượng bài báo sang độ tin cậy, khả năng tái lập và chia sẻ kết quả, qua đó thúc đẩy văn hóa “khai mở để cộng hưởng” trong cộng đồng học thuật. Thứ hai, khung tiêu chí đóng vai trò “bản thiết

kế” cho cơ chế thưởng, phạt, quỹ tài trợ ưu tiên đề án có kế hoạch dữ liệu mở; vi phạm dẫn tới hoàn trả kinh phí và tạm đình chỉ quyền nộp đề tài; người tố cáo được bảo vệ toàn diện. Thứ ba, khi các chỉ báo liên chính được minh bạch và báo cáo tác động thường xuyên, cơ sở nghiên cứu sẽ liên tục học hỏi, cập nhật quy trình theo tiến bộ và chuẩn mực quốc tế mới, tạo lợi thế cạnh tranh trong việc thu hút quỹ, hợp tác và nhân lực toàn cầu. Như vậy, khung 10 tiêu chí không chỉ giải quyết nhu cầu đo lường hiện tại mà còn đặt nền móng cho một hệ sinh thái khoa học minh bạch, đáng tin và hội nhập sâu rộng, góp phần nâng tầm vị thế tri thức.

Lời cảm ơn: Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Ban Biên tập Tạp chí Khoa học, Phòng Nghiên cứu Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội đã dành nhiều hỗ trợ quý báu trong quá trình thực hiện, phản biện và hoàn thiện bản thảo nghiên cứu này. Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến những người đã tham gia hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật và góp ý nội dung. Những đóng góp này là nguồn động lực to lớn giúp công trình được hoàn thiện một cách nghiêm túc và trách nhiệm.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. ALLEA - All European Academies. (2023). The European code of conduct for research integrity (Revised ed.). <https://doi.org/10.26356/ECOC>.
- [2]. National Academies of Sciences, Engineering, and Medicine. (2017). *Fostering integrity in research*. National Academies Press. <https://doi.org/10.17226/21896>
- [3]. Resnik DB, Shamoo AE (2011). The singaporestatementonresearchintegrity. *Account Res.* 2011 Mar;18(2):71-5.

- doi: 10.1080/08989621.2011.557296.
PMID: 21390871; PMCID:
PMC3954607.
- [4]. Steneck, N. H. (2007). ORI introduction to the responsible conduct of research (Rev. ed.). U.S. *Office of Research Integrity*. <https://ori.hhs.gov/ori-introduction-responsible-conduct-research>.
- [5]. OECD. (2022). Integrity and security in the global research ecosystem. *Oecd science, technology and industry*. file:///C:/Users/%20%20PC/Downloads/1c416f43-en.pdf
- [6]. UNESCO. (2021). UNESCO recommendation on open science. *United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization*. <https://doi.org/10.54676/OS2021>.

RESEARCH INTEGRITY CULTURE IN SCIENCE: FRAMEWORK OF CRITERIA AND PRACTICAL IMPLICATIONS

Nguyen Dinh Tuan^{2}, Dang Thuy Linh¹, Le Quang Manh¹*

Abstract: *In scientific research, the issue of research integrity culture is increasingly regarded as a core factor that contributes the highest value to a scientific work. Based on the synthesis of international standards and the domestic context, this study employs literature review, qualitative methods, and analytical approaches to propose practical solutions to the problem. The proposed framework of criteria not only provides an empirical measurement tool for research managers but also reshapes the value system of the scientific community, shifting the focus of evaluation from “publication count” to “trustworthiness and shareability” of research outcomes. Key implications include redesigning incentive sanction mechanisms linked to open data, protecting whistleblowers to enhance system self-regulation, and establishing integrity dashboards and regular impact reporting to improve the international competitiveness of research institutions.*

Keywords: *Integrity, framework of criteria, science, culture, scientific research*

² Faculty of Fundamental Education - Hanoi Open University